**TẬP 14**

**Chương trình Tiếng Hàn cơ bản**

**Cùng nói tiếng Hàn!**

**Tập 14 - Chủ đề Tục ngữ, thành ngữ**

| 1. **HỘI THOẠI 1** |
| --- |
| Xu Hao và Hye Yeong đang ngồi làm bài tập. Xu Hào thì cặm cụi xem sách, Hyeyong thì chăm chú tìm kiếm trên máy tính.  Xu Hào: 내가 어제 하자고 했잖아.  *Hôm qua tớ đã rủ làm rồi mà*  Hyeyong: 잔소리 그만하고 빨리 찾기나 해  *Đừng có cằn nhằn nữa, tìm nhanh lên đi.*  Vừa lúc đó thì Hà và Hayun đi tới  Hà: 너희들 거기서 뭐해? 오늘은 어디 놀러 안 가?  *Bọn em làm gì ở đó vậy? Hôm nay không đi chơi đâu à?*  Xu Hao: 오! 하 누나 안녕하세요.  *Ô! Chào chị Hà.*  Hyeyong: 어딜 놀러가... 우리 지금 숙제 하는 중이야.  Chơi đâu được mà chơi...Bọn em còn đang làm bài tập đây.  Hayun: 무슨 숙제인데 그렇게 열심히 해?  *Bài tập gì mà chăm chỉ vậy?*  (tiến về phía Hyeyong, nhìn vào màn hình, lẩm nhẩm đọc): 아! 사람의 신체와 관련된 한국어 속담~~  *À! Tục ngữ tiếng Hàn liên quan đến cơ thể người.*  (nói với Thành Hà): 우리도 이 숙제 했는데, 그치?  *Bọn mình cũng làm bài này rồi, phải không nhỉ?*  Thanh Ha: 작년에 했지. 좀 어려웠어.  *Năm ngoái làm rồi. Hơi khó*  Xu Hao: 진짜요? 그럼 도와 주세요! 누나들 ~ 너무 어려워요.  *Thật ạ? Vậy giúp bọn em đi! Các bà chị~ Khó quá đi mất.*  Hyeyong: 언니 도와줘. 오늘까지 내야 해..  *Chị giúp em đi. Hôm nay là phải nộp rồi*  Thanh Ha: 뭐? 오늘까지 내야 하는데 아직도 안 했어?  *Cái gì? Hôm nay nộp mà vẫn chưa làm á?*  Hyeyong: 아니, 어제부터 하려고 했어. 근데 생각보다 어렵네 ㅎㅎ  *Đâu có, em định làm từ hôm qua rồi. Nhưng mà bài này khó hơn là em nghĩ*  Hayun: 정말 발등에 불이 떨어졌구나...  *Đúng là lửa rơi xuống chân rồi..*  Xu Hao: 네? 불이요? 불이 어디에 있어요?  *Sao ạ? Lửa á? Lửa ở đâu?*  Hayun: 그게 바로 속담이야 바보야... (lấy tay chỉ mu bàn chân) 불이 여기, 발등에 떨어진다고.  *Đó là câu tục ngữ đấy, đồ ngốc ạ... Lửa rơi xuống cái mu bàn chân này này.*  Hyeyong: 그게 무슨 뜻이야?  *Có nghĩa là gì ạ?*  Thanh Ha: 발등에 불이 떨어지면 어떨 것 같아? 뜨겁겠지? 빨리 불을 꺼야겠지?  그러니까, 어떤 일이 아주 급하고 절박하게 닥친 상황에서 사용하는 말이야.  *Lửa mà rơi vào chân thì sẽ ra sao? Nóng đúng không? phải dập lửa đi đúng không? Vậy nên đấy là câu mà người ta dùng khi gặp tình huống hay việc gì cấp bách đấy.*  Hayun: (Nhìn 2 đứa em) 뭐해? 안 적어? 숙제 안 할거야?  *Làm gì nữa? Không ghi vào à? Không định làm bài tập nữa à?*  Hao và Hyeyong ngơ ngác:  Hyeyong: 어? 아~ 맞네... 발등이 사람 신체니까, 신체와 관련된 속담이 맞네.  *Ơ? À, đúng rồi...mu bàn chân là bộ phận trên cơ thể người, đúng là câu thành ngữ liên quan đến cơ thể người rồi.*  (quay qua 2 bà chị): 언니들 최고 ~~ 또 뭐가 있어?  *Các chị thật là đỉnh ~~ Còn câu nào nữa không ạ?*  Thanh Hà (Nhắm mắt nói như đang tụng kinh): “눈에 콩깍지가 씌었다”  *Vỏ hạt đậu che mắt*  Xu Hào (căng tai lắng nghe): 눈에 콩...뭐예요?  *Hạt đậu trong mắt...cái gì cơ ạ?*  Thanh Ha (Nói như quát, từng chữ): 눈에 콩~깍~지가 씌 ~ 었~다  *Vỏ ~ hạt ~ đậu ~ che ~ mắt*  Hào: (tranh thủ nghe và đánh vào máy tính): “눈에 콩깍지가 씌었다” 무슨 뜻이에요?  *“Vỏ hạt đậu che mắt” nghĩa là gì ạ?*  Ha: 앞이 가리어 사물을 정확하게 보지 못함을 비유적으로 이르는 말이야.  *Đây là phép ẩn dụ, diễn tả việc không thể nhìn rõ mọi thứ vì tầm nhìn đã bị che khuất.*  Hyeyong: 아! 이렇게 눈 앞을 가리니까 앞을 제대로 보지 못한다는 뜻이구나  *À, nghĩa là mắt bị che lại như thế này nên không nhìn rõ được phía trước.*  Hayun: 그렇지, 만약 우리 해영이가 어떤 남자와 사랑에 빠져서 그 남자만 보이고 다른 것들은 보이지 않는 상황이 된다면, 그럴 때 사용할 수 있는 표현이야.  *Đúng vậy, giả sử khi Hyeyong của chúng ta vướng phải lưới tình của anh chàng nào đó, nên chỉ thấy mỗi anh ta mà không thể nhìn thấy cái gì khác thì cũng có thể sử dụng câu nói này nè.*  Hyeyong: 언니~~ 저는 안 그래요.  *Chị này, em đâu có thế.*  Hayun: 그냥 예를 든거야.  *Chỉ là ví dụ thôi mà*.  Hyeyong: 됐어요! 몇 개 더 알려주세요  *Được rồi! Chị chỉ em vài câu nữa đi.*  Hayun: 음 ~~ 세 치 혀가 사람 잡는다.  *Uhm~ Lưỡi ba chi mà bắt được người.*  Hyeyong: 엥? (lè lưỡi ra) 혀가 사람을 잡는다고? 도마뱀이야 ? ㅋㅋ  *Hả? Lưỡi mà bắt được người á? Thằn lằn à? kk*  Thanh Ha: 야 ~~ 장난하지 마!  *Này! Đừng có đùa nữa!*  Hayun: 이 말은 “세 치밖에 안 되는 짧은 혀라도 잘못 놀리면 사람이 죽게 되는 수가 있다”는 뜻으로, 말을 함부로 해서는 안 된다는 뜻이야.  *Câu này có nghĩa là dù cái lưỡi chỉ ngắn có ba tấc thôi nhưng nếu sử dụng không đúng cách thì nó cũng có thể giết chết một người, nên không được nói năng hàm hồ.*  Thanh Hà: (xoa đầu Hyeyong): 말을 할 때 조심해야 한다는 의미야! 아가야 ~  *Nghĩa là nói năng phải cẩn thận đó! Bé con ạ~*  Hyeyong: 나 아가 아니거든~ 언니는 뭐 아는 속담이나 관용구 더 없어?  *Em đâu phải là bé con~ Mà chị không biết câu thành ngữ, tục ngữ nào nữa à?*  Thanh Ha: 야! 나 탄하야, 당연히 있지.  *Này! Chị là Thanh Hà đấy, tất nhiên là phải biết chứ.*  Hyeyong: 그럼 빨리 말해봐 ~ 폼만 잡지 말고.  *Vậy thì nói nhanh lên coi~ đừng có mà tạo dáng mãi thế.*  Thanh Ha: “사촌이 땅을 사면 배가 아프다”  *Anh em họ mua đất thì mình đau bụng.*  Hao: 왜요? 땅을 사면 배가 왜 아파요?  *Tại sao ạ? Sao mua đất mà lại đau bụng?*  Thanh Ha: 남이 잘 되는 것을 기뻐해 주지 않고 오히려 질투하고 시기하는 경우를 비유적으로 이르는 말이야.  *Điều này ẩn dụ ám chỉ trường hợp một người không những không vui trước thành công của người khác mà còn tỏ ra ghen tị và đố kỵ.*  해영이도 그랬잖아. 내가 먼저 한국에 유학왔을 때 막 짜쯩을 내고 삐쳤었어. 그랬지? 아가야?  *Hyeyong cũng thế này. Đợt tớ qua Hàn Quốc trước thì nó cứ tỏ ra bực tức giận dỗi... Phải không? Bé?*  Hyeyong: 아니거든?  Ai bảo thế?  Hayun: 동생 놀리지 마! 빨리 숙제 끝내고 밥이나 먹으러 가자.  *Đừng có trêu em nó nữa! Làm bài tập nhanh còn đi ăn cơm.*  (Suy nghĩ 1 lát): 음 ~~ 발등, 혀, 눈, 배 나왔으니까 .... (Đưa tay lên miệng) 입... 아! “입에 쓴 약이 몸에 좋다” 어때?  *Có mu bàn chân, lưỡi, mắt, bụng rồi... Miệng... à! “thuốc đắng thì tốt cho cơ thể”, được không?*  Thanh Ha: 그것도 있구나.. 베트남어에도 비슷한 말이 있지.  *Có cả câu đó nữa à?. Tiếng Việt cũng có câu tương tự đấy.*  Hao: 아 그래요? 무슨 뜻이에요?  Thế ạ? Nghĩa là gì ạ?  Thanh Ha: 약을 먹으면 맛이 쓰지? *Uống thuốc thì đắng đúng không?*  Hao: 네1  *Vâng ạ!*  Thanh Ha: 근데 그 쓴 약을 먹어야 병도 낫고 건강에 좋듯이 ‘자기에 대한 충고나 비판이 당장은 듣기에 좋지 않지만 그것을 달게 받아들이면 자기 수양에 이롭다”는 뜻이야.  *Cũng giống như phải uống thuốc đắng thì mới khỏi bệnh và khỏe mạnh, những lời khuyên hay lời phê bình dành cho bản thân có thể nghe không hay ngay lúc đó nhưng nếu biết chấp nhận thì sẽ rất có ích cho việc rèn luyện bản thân.*  Hao: 아! 이해했어요.  *À, em hiểu rồi.*  Thanh Ha: (Kiểu hơi sốt ruột): 그럼 다 됐지? 밥 먹으러 가자... 배고파 죽겠어.  *Vậy là xong rồi đúng không? Đi ăn cơm thôi..Đói chết mất.*  Hyeyong: 하나 더, 하나만 더 하면 끝이야.  *Một câu nữa, thêm một câu nữa là xong.*  Thanh Ha: (quau): 배고파서 생각이 안 난다.  *Đói quá nên chẳng nghĩ được đâu.*  Hao: 누나 파이팅 ~ 다 하면 오늘 제가 치킨 살게요.  *Chị cố lên! Làm xong hôm nay em sẽ đãi mọi người ăn gà rán.*  Thanh Ha: (tươi tỉnh hẳn) 진짜지? “한 입으로 두말하기 없기”다.  *Thật không? Không được* một miệng hai lời *nha.*  Hao: 당연하죠. 저 알바비 받았거든요. 아 근데 방금 한 말도 관용어 아니에요?  *Tất nhiên rồi. Em mới nhận tiền làm thêm mà. À, mà câu vừa nói có phải thành ngữ không?*  말을 하면 바꾸지 말라는 뜻이죠? 맞죠?  *Nghĩa là nói rồi thì không được thay đổi? Đúng không ạ?*  Thanh Ha: 어? 맞네! 하하하 역시 난 천재야.  *Ơ! Đúng nhỉrồi! Ha ha ha, mình đúng là thiên tài mà.*  Hyeyong: 언니는 치킨 생각하니까 갑자기 똑똑해진거겠지.  *Có mà chị nghe tới gà rán thì thông minh đột xuất thì có.*  Hayun: 자! 그럼 숙제 다 한거지? 빨리 정리하고 치킨 먹으러 가자 ~~~  *Nào! Vậy là đã xong bài tập rồi đúng không? Xếp đồ nhanh rồi đi ăn gà rán thôi ~~~*  (Tất cả cùng đứng lên): 가자 ~~ *Đi thôi* |